Cơ quan: UBND tỉnh Quảng Bình
Giờ ký: 27/03/2020 17:27:37

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 917 /QĐ-UBND	*Quảng Bình, ngày 27 tháng 3 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt danh sách các trường hợp phải áp dụng biện pháp cách ly y tế tập trung trên địa bàn tỉnh Quảng Bình

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm ngày 21/11/2007;

Căn cứ Nghị định 101/2010/NĐ-CP ngày 30/9/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm về áp dụng biện pháp cách ly y tế, cưỡng chế cách ly y tế và chống dịch đặc thù trong thời gian có dịch;

Căn cứ Quyết định số 878/QĐ-BYT ngày 12/03/2020 của Bộ Y tế về việc ban hành "Hướng dẫn cách ly y tế tại cơ sở cách ly tập trung phòng chống dịch COVID-19";

Căn cứ Công văn số 1440/CV-BCĐ ngày 20/03/2020 của Ban Chỉ đạo Quốc gia phòng chống dịch COVID-19 về việc tổ chức cách ly người nhập cảnh phòng chống dịch COVID-19;

Căn cứ Kế hoạch số 107/KH-UBND ngày 31/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình về Kế hoạch đáp ứng với từng cấp độ dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của vi rút Corona (nCov);

Căn cứ Quyết định số 274/QĐ-UBND ngày 31/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình về việc thành lập Ban Chỉ đạo tỉnh phòng, chống dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của vi rút Corona gây ra;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Y tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách các trường hợp phải áp dụng biện pháp cách ly y tế tập trung, gồm 153 người có tên sau: (*Có danh sách kèm theo*).

Điều 2. Địa điểm, lý do và thời gian cách ly y tế

- Địa điểm cách ly: Doanh trại Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh Quảng Bình (cũ), số 02 Minh Khai, Hải Đình, Đồng Hới, Quảng Bình;

- Lý do cách ly: Các trường hợp nhập cảnh từ các quốc gia, vùng lãnh thổ có dịch COVID-19 vào Việt Nam trên địa bàn Quảng Bình.

- Thời gian thực hiện cách ly: 14 ngày kể từ ngày nhập cảnh (**21/3/2020**).

Điều 3. Trong thời gian thực hiện cách ly y tế, các cá nhân có tên tại Điều 1 không được tiếp xúc trực tiếp với người thân hoặc ra khỏi khu vực cách ly trừ các trường hợp phải chuyển cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo quy định; được hưởng chế độ ăn, mặc, ở và các chế độ khác đối với người bị áp dụng biện pháp cách ly y tế, cưỡng chế cách ly y tế theo quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 14 của Nghị định số 101/NĐ-CP ngày 30/9/2010 của Chính phủ.

- Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị, bố trí tiếp nhận, ăn, nghỉ, quản lý, theo dõi y tế đối với những người được đưa về khu cách ly tập trung tại Doanh trại Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh Quảng Bình.

- Công an tỉnh chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan đảm bảo công tác an ninh trật tự tại địa điểm thực hiện cách ly y tế; thực hiện biện pháp cưỡng chế cách ly y tế đối với các đối tượng thuộc diện phải áp dụng biện pháp cách ly y tế nhưng không tuân thủ yêu cầu cách ly y tế.

- Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tiếp nhận, điều tra dịch tễ, kiểm tra y tế; bố trí cán bộ y tế theo từng tình huống; đảm bảo công tác phòng chống dịch cho các thành phần, phương tiện tham gia tiếp nhận, cách ly.

- Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Y tế, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh và các đơn vị liên quan đảm bảo bố trí kinh phí kịp thời thực hiện việc tiếp nhận, cách ly.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở: Y tế, Tài chính; Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh; Giám đốc Công an tỉnh; các ông, bà thành viên Ban Chỉ đạo tỉnh và các nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam;
- Văn Phòng Chính phủ;
- Bộ Y tế;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Sở TT&TT;
- LĐ VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH, KGVX.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Tiến Dũng

DANH SÁCH CÁC TRƯỜNG HỢP PHẢI ÁP DỤNG BIỆN PHÁP CÁCH LY Y TẾ TẬP TRUNG

(Kèm theo Quyết định số 917 /QĐ-UBND ngày 27 / 3 /2020 của UBND tỉnh Quảng Bình)

TT	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán	Ghi chú
1.	Lê Huỳnh Đức	1997	Hà Tĩnh	C6682582
2.	Trần Quốc Đức	1981	Hà Tĩnh	C6599329
3.	Nguyễn Như Quang	1970	Hà Tĩnh	C6378429
4.	Hoàng Văn Hoan	1986	Hà Tĩnh	C5833654
5.	Hoàng Tuấn Kiệt	2018	Hà Tĩnh	C6890068
6.	Nguyễn Đình Hải	1980	Hà Tĩnh	C7288944
7.	Hồ Duy Cường	1987	Hà Tĩnh	C8325212
8.	Phạm Xuân Vĩnh	1988	Hà Tĩnh	C4623072
9.	Phạm Văn Bích	1974	Hà Tĩnh	C3300186
10.	Trần Quốc Hóa	1984	Hà Tĩnh	C6637820
11.	Hoàng Văn Hùng	1988	Hà Tĩnh	C7295937
12.	Trần Quốc Thanh	1982	Hà Tĩnh	C6693840
13.	Trần Tuấn Vũ	1998	Hà Tĩnh	C8834863
14.	Nguyễn Tiến Mạnh	1996	Hà Tĩnh	C6320728
15.	Trần Quốc Minh	1989	Hà Tĩnh	C6679689
16.	Hoàng Văn Quang	1990	Hà Tĩnh	C1905143
17.	Hoàng Trọng Khánh	1981	Hà Tĩnh	C6583917
18.	Trần Đình Sáng	1994	Hà Tĩnh	C1580778
19.	Đặng Giáp	1984	Hà Tĩnh	C6698301
20.	Trần Đình Điệp	1991	Hà Tĩnh	C6559157
21.	Trần Quy	1974	Hà Tĩnh	C6449386
22.	Phan Văn Quý	1968	Hà Tĩnh	C6199722
23.	Nguyễn Văn Đồng	1984	Hà Tĩnh	C6894320
24.	Hoàng Văn Đàn	1991	Hà Tĩnh	C7175937
25.	Trần Thị Thu Hiền	1994	Hà Tĩnh	C8765136
26.	Bùi Vĩnh Thành	1988	Hà Tĩnh	C6663926
27.	Lê Danh Tuấn	1994	Hà Tĩnh	B9211138
28.	Nguyễn Đình Lợi	1989	Hà Tĩnh	C7866884
29.	Nguyễn Văn Quốc	1991	Hà Tĩnh	C6684146
30.	Phan Văn Trường	1974	Hà Tĩnh	B6801098
31.	Nguyễn Đức Lương	1995	Hà Tĩnh	C8865742
32.	Nguyễn Tuấn Kiệt	2002	Hà Tĩnh	C8829967

33.	Đặng Văn Tuyến	1985	Hà Tĩnh	C6666112
34.	Bùi Vĩnh Quý	1993	Hà Tĩnh	C7868621
35.	Lê Danh Đức	1991	Hà Tĩnh	C5875317
36.	Lê Văn Chiến	1987	Hà Tĩnh	C6325179
37.	Trần Quốc Được	1975	Hà Tĩnh	C8338992
38.	Lê Công Tiến	1995	Hà Tĩnh	C8836900
39.	Nguyễn Văn Hiệp	1990	Hà Tĩnh	C7892014
40.	Lê Văn Lập	1996	Hà Tĩnh	C7799332
41.	Trần Sỹ Hoan	1991	Hà Tĩnh	C8388819
42.	Nguyễn Duy Phương	1990	Hà Tĩnh	C6664953
43.	Cao Khắc Cường	1994	Hà Tĩnh	C6599383
44.	Nguyễn Minh Vũ	1992	Hà Tĩnh	C6664965
45.	Trịnh Tuất	1982	Hà Tĩnh	C8865820
46.	Tôn Đức Thông	1994	Hà Tĩnh	C5111884
47.	Nguyễn Ngọc Đức	1983	Hà Tĩnh	C8791170
48.	Phan Xuân Dũng	1985	Hà Tĩnh	B5141534
49.	Nguyễn Hữu Ánh	1987	Hà Tĩnh	C8770650
50.	Nguyễn Văn Vương	1998	Hà Tĩnh	C3859742
51.	Đặng Dũng	1988	Hà Tĩnh	C7178601
52.	Trần Văn Hợp	1990	Hà Tĩnh	C6771857
53.	Trần Thụy Ý	1991	Hà Tĩnh	C6791481
54.	Nguyễn Văn Anh	1981	Hà Tĩnh	C5827849
55.	Ngô Đức Huế	1992	Hà Tĩnh	C6876165
56.	Tôn Đức Thắng	1991	Hà Tĩnh	C7369800
57.	Nguyễn Văn Lâm	1985	Hà Tĩnh	C6332824
58.	Nguyễn Văn Tăng	1985	Hà Tĩnh	C8823368
59.	Nguyễn Công Minh	2000	Hà Tĩnh	C8082505
60.	Trần Đình Sơn	1993	Hà Tĩnh	C8795823
61.	Nguyễn Thị Vinh	1980	Hà Tĩnh	C1943198
62.	Nguyễn Thị Hiền	1994	Hà Tĩnh	C8378972
63.	Trần Thị Bé	1998	Hà Tĩnh	C7791492
64.	Trần Thị Tý	1967	Hà Tĩnh	C7278954
65.	Phan Thị Nhàn	1998	Hà Tĩnh	C6691122
66.	Hồ Thị Cúc	1976	Hà Tĩnh	C8870545
67.	Trịnh Thị Mỹ	1991	Hà Tĩnh	C6694387
68.	Phan Thị Ngọc	2001	Hà Tĩnh	C2959448
69.	Nguyễn Thị Hiền	1982	Hà Tĩnh	C7692079

70.	Trần Thị Quý	1985	Hà Tĩnh	B8531566
71.	Dương Thị Việt	1988	Hà Tĩnh	C8770651
72.	Hoàng Thị Diệu	1995	Hà Tĩnh	C8835535
73.	Hoàng Thị Hiền	1994	Hà Tĩnh	C6674389
74.	Trần Thị Nguyệt	1998	Hà Tĩnh	C8833110
75.	Đặng Thị Duyên	1989	Hà Tĩnh	C6685941
76.	Lê Thị Trà	1999	Hà Tĩnh	C6119009
77.	Nguyễn Thị Mỹ Linh	1998	Hà Tĩnh	C8762581
78.	Trần Thị Hòa	1989	Hà Tĩnh	C6698348
79.	Trần Thị Thùy Dung	1995	Hà Tĩnh	C6691076
80.	Nguyễn Thị Thu Hà	1979	Hà Tĩnh	C8835578
81.	Đào Thị Thanh Trà	2001	Hà Tĩnh	C7781916
82.	Trần Thị Hồng Tâm	1990	Hà Tĩnh	C6853400
83.	Trần Thị Hà	1987	Hà Tĩnh	C7491740
84.	Lê Thị Dung	1982	Hà Tĩnh	C6637119
85.	Lê Thị Thúy Nga	1996	Hà Tĩnh	C7397953
86.	Phan Thị Hợp	1992	Hà Tĩnh	C8788659
87.	Trần Thị Sâm	1992	Hà Tĩnh	C8861166
88.	Lê Thị Dũng	1991	Hà Tĩnh	C6632216
89.	Trần Thị Thu Hà	1998	Hà Tĩnh	C6634505
90.	Nguyễn Thị Hồng	1982	Hà Tĩnh	C8836844
91.	Nguyễn Thị Hà	1994	Hà Tĩnh	C8769043
92.	Nguyễn Thị Mến	1987	Hà Tĩnh	C8836843
93.	Lê Thị Hạnh	1991	Hà Tĩnh	C8331521
94.	Nguyễn Thị Ly	1990	Hà Tĩnh	C6893155
95.	Hồ Anh Thư	2015	Hà Tĩnh	C8892694
96.	Phạm Thị Tường Vy	2014	Hà Tĩnh	C7593512
97.	Nguyễn Thị Loan	1988	Hà Tĩnh	C7393511
98.	Phạm Thị Thùy Linh	1997	Hà Tĩnh	C8834860
99.	Lê Bảo Trang	2017	Hà Tĩnh	C7665713
100.	Trần Thị Kim Chi	2015	Hà Tĩnh	C8675634
101.	Lê Thị Minh	1989	Hà Tĩnh	C8669796
102.	Trần Thị Bắc	1989	Hà Tĩnh	C7975374
103.	Bách Thị Mơ	1999	Hà Tĩnh	C6765902
104.	Trần Thị Kim Ngân	2019	Hà Tĩnh	C8675633
105.	Trần Thị Tuyết	1963	Hà Tĩnh	C8663159
106.	Trương Thị Thúy	1992	Hà Tĩnh	C8931951

107.	Trần Thị Hường	1988	Hà Tĩnh	C6397218
108.	Hồ Thị Do	1971	Hà Tĩnh	C7063703
109.	Hoàng Thị Gia Hân	2019	Hà Tĩnh	C5777222
110.	Hoàng Thị Hương	1998	Hà Tĩnh	C8823985
111.	Trần Thị Xanh	1976	Hà Tĩnh	C1532956
112.	Trần Thị Huyên	1980	Hà Tĩnh	C6674715
113.	Trần Thị Ánh	1992	Hà Tĩnh	C6634538
114.	Hoàng Thị Thủy	1987	Hà Tĩnh	C8836509
115.	Lê Thị Hiền	1992	Hà Tĩnh	C6181414
116.	Nguyễn Thị Hiền	1980	Hà Tĩnh	C6532876
117.	Trần Thị Linh	1996	Hà Tĩnh	C8765135
118.	Trần Thị Oanh	1992	Hà Tĩnh	C6559065
119.	Lê Thị Hùng	1988	Hà Tĩnh	C8651979
120.	Lê Thị Như	1996	Hà Tĩnh	C7665685
121.	Lê Thị Soa	1976	Hà Tĩnh	C8838991
122.	Phạm Thị Thiên Nga	1990	Hà Tĩnh	C6684015
123.	Bùi Thị Vân	1972	Hà Tĩnh	C6674828
124.	Nguyễn Thị Minh	1964	Hà Tĩnh	C6674400
125.	Trần Thị Tương	1996	Hà Tĩnh	B9317801
126.	Nguyễn Thị Nà	1990	Hà Tĩnh	C7960823
127.	Cao Thị Hồng Ngọc	1990	Hà Tĩnh	C7534062
128.	Phan Thị Lan	1984	Hà Tĩnh	C8276662
129.	Trần Thị Hương	1995	Hà Tĩnh	C6667584
130.	Hoàng Thị Thảo	1975	Hà Tĩnh	C6543010
131.	Nguyễn Văn Hoài	1994	Quảng Bình	C8865942
132.	Nguyễn Văn Cường	1997	Quảng Bình	C6677223
133.	Nguyễn Hữu Việt	1988	Quảng Bình	C6677190
134.	Nguyễn Thị Trang	1997	Quảng Bình	C6672769
135.	Nguyễn Thị Thái	1992	Quảng Bình	C8161816
136.	Mai Thị Anh	2001	Quảng Bình	C8825387
137.	Nguyễn Thị Tuyết Mai	1989	Quảng Bình	C816814
138.	Hoàng Thị Tiệp	1996	Quảng Bình	C6672770
139.	Bùi Văn Định	1988	Nghệ An	C8779143
140.	Võ Đình Bình	1987	Nghệ An	C6685942
141.	Hoàng Xuân Châu	1991	Nghệ An	C8378471
142.	Lê Văn Thành	1990	Nghệ An	C8784040
143.	Nguyễn Thị Hoài Thương	2002	Nghệ An	C727440

144.	Đinh Xuân Tiến	1991	Nghệ An	C6678170
145.	Nguyễn Thị Gấm	1994	Nghệ An	C6383090
146.	Nguyễn Thị Huyền	2004	Nghệ An	C7390138
147.	Lê Thị Hoàng	1994	Nghệ An	C4828692
148.	Hoàng Huy Thành	1989	Nghệ An	C879150
149.	Bùi Văn Cường	1987	Thanh Hóa	C6973750
150.	Cao Thị Trinh	1990	Đắk Lăk	C4396394
151.	Vũ Văn Khương	1978	Nam Định	C4701931
152.	Lê Trần Yến Trang	2019	Hà Tĩnh	Đi cùng với Hộ chiếu của mẹ: Trần Thị Sâm C8861166
153.	Dương Lê Khánh Ngọc	2017	Hà Tĩnh	Đi cùng với Hộ chiếu mẹ: Lê Thị Dũng Số hộ chiếu C663216

Danh sách gồm 153 người./.